TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2018.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Ông Huỳnh khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2018/TLST-HNGĐ, ngày 17/8/2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2018 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 507/TB-TA, ngày 31/10/2018, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 218A, tổ 8, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện nay: Số 119 đường R, khu phố Tây A, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

***** *Bị đơn*: Anh Nguyễn Bửu T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 678 ấp O, xã Th, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng N thì vụ án có nội dung như sau*:

Nguyên đơn N và bị đơn T tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/11/2011. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 17/5/2012.

Nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến sống chung không hạnh phúc. Từ tháng 8 năm 2014 đến nay vợ chồng không sống chung. Hiện nay nguyên đơn N đang trực tiếp nuôi con chung.

Nguyên đơn N cho rằng không còn tình cảm yêu thương và không về sống chung cùng bị đơn T. Vì vậy, nguyên đơn N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết để nguyên đơn N được ly hôn chồng là bị đơn T.

- *Về con chung*: Nguyên đơn N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nguyên đơn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn Nguyễn Bửu T*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 548/TB-TLVA, ngày 17/8/2018 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn T nhưng bị đơn T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N. Sau đó, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn T tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng bị đơn T không tham dự. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn N tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn N, giải quyết để nguyên đơn N được ly hôn bị đơn T vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Đề nghị để nguyên đơn N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 17/5/2012, bị đơn T không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn N không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung, do nguyên đơn N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn N yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn T theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội

đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn T.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Tại phiên tòa, nguyên đơn N trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung như sau: Nguyên đơn N và bị đơn T tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2011, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 17/5/2012. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn N phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy khai sinh của con chung do nguyên đơn N cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

Nguyên đơn N yêu cầu được ly hôn chồng là bị đơn T. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn N thì thấy rằng:

Hiện nay, nguyên đơn N không còn tình cảm yêu thương bị đơn T, không muốn sống chung cùng bị đơn T và cương quyết ly hôn bị đơn T. Xét thấy, từ tháng 8 năm 2014 đến nay, nguyên đơn N và bị đơn T đã không sống chung cùng nhau, trong một thời gian dài các bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, các bên đều không có biện pháp cụ thể nào để đoàn tụ gia đình. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn N, tuyên bố nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng N được ly hôn chồng là bị đơn Nguyễn Bửu T.

[4] *Về nuôi con chung*:

Nguyên đơn N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 17/5/2012 và không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn N thì thấy rằng: Cháu H còn nhỏ, mới hơn 6 tuổi, chưa tới tuổi trưởng thành, cần phải có sự quan tâm chăm sóc của cả cha và mẹ nhưng khi cha mẹ ly hôn thì chỉ có một người trực tiếp nuôi con. Trên thực tế thì nguyên đơn N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ nhỏ cho đến nay, cuộc sống về mọi mặt vẫn được bảo đảm tốt, tình cảm mẹ con đã gắn bó. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao cháu H cho mẹ là nguyên đơn N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Do nguyên đơn N không yêu cầu bị đơn T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn T có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở bị đơn T thực hiện quyền này.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn N cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bị đơn T không có ý kiến về tài sản chung và nợ

chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hay nợ chung, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[6] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng N.

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng N được ly hôn chồng là bị đơn Nguyễn Bửu T.

2. *Về con chung*:

- Nguyên đơn N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 17/5/2012 đến khi đủ 18 tuổi. Bị đơn T không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn N không yêu cầu. Bị đơn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở bị đơn T thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Án phí sơ thẩm*:

Nguyên đơn N phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn N đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0004197, ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng, nguyên đơn N đã nộp đủ án phí sơ thẩm, bị đơn T không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc

thẩm. Đối với bị đơn T, thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày bị đơn T nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Trung